

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1627</b>	<b>435</b>	<b>415</b>	<b>416</b>	<b>361</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1594 (98,0)	429 (98,6)	407 (98,1)	401 (96,4)	357 (98,9)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	33 (2,0)	6 (1,4)	8 (1,9)	15 (3,6)	4 (1,1)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1627</b>	<b>435</b>	<b>415</b>	<b>416</b>	<b>361</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	886 (54,5)	274 (63,0)	224 (54,0)	204 (49,0)	184 (51,0)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	548 (33,7)	130 (29,9)	148 (35,7)	144 (34,7)	126 (34,9)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	189 (11,6)	28 (6,4)	43 (10,3)	67 (16,1)	51 (14,1)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,2)	3 (0,7)	0	1 (0,2)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1627</b>	<b>435</b>	<b>415</b>	<b>416</b>	<b>361</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1626 (99,9)	435 (100)	415 (100)	415 (99,8)	361 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	885 (54,4)	274 (63,0)	224 (54,0)	203 (48,8)	184 (51,0)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	549 (33,7)	130 (29,9)	148 (35,7)	145 (34,9)	126 (34,9)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	17 (1,0)	4 (0,9)	3 (0,7)	10 (2,4)	0 0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0	0 0	1 0	0 0	0 0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	28/11 (1,7/0,7)	1/2 (0,1/0,1)	15/1 (0,9/0,1)	9/2 (0,5/0,1)	3/6 (0,1/0,4)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>93</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>14</b>	<b>53</b>
1	Cấp huyện	32	0	0	0	32
2	Cấp tỉnh/thành phố	61	14	12	14	21
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>361</b>				<b>361</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>361</b>				<b>361</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184 51,0				184 51,0

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	126 35,0				126 35,0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	51 14,0				51 14,0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	294/350 (84,0)				294/350 (84,0)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	769/858	199/236	197/218	198/218	175/186
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	47	7	12	18	10

Quận 3, ngày 15 tháng 6 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Phan Huy**

